TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10/9/2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Gia Ninh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Tập

2. Bà Phạm Thị Dung

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích D - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2020/TLST-HNGĐ ngày 24/07/2020 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 21/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, Sinh năm: 1976

Địa chỉ: Tổ 16, khu B, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Đặng Văn D**, Sinh năm: 1971

Địa chỉ: Tổ 16, khu B, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2020, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Đặng Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 1997 tại UBND phường Q, TP U, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn cả hai chua ai có vợ có chồng có thời gian tìm hiểu nhau nhưng chưa hiểu hết về nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Tổ 16, khu B, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 mâu thuẫn của vợ chồng chị xảy ra trầm

trọng nhất thường xuyên xảy ra cãi vã do hai vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh D chửi bới, xúc phạm, lăng mạ chị có xảy ra việc đánh đập dẫn đến bản thân chị rất áp lực trong cuộc sống. Cuộc sống chung rất nặng nề, căng thẳng và không có tiếng nói chung. Hiện tại hai vợ chồng chị đã sống ly thân, không chung sống cùng nhà mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau nữa. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không thành. Bản thân chị không thấy có lỗi trong việc phát sinh mâu thuẫn, năm 2015 chồng chị đã viết bản cam kết sẽ thay đổi, chị đã cho anh D cơ hội để vợ chồng hàn gắn nhưng anh vẫn không thay đổi vẫn chửi bới, xúc phạm và đánh đập chị. Chị xác định đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn D.

Về con chung: chị và anh Đặng Văn D có 02 con chung tên là: Đặng Ngọc D sinh ngày 19/12/1998 (đã thành niên) và Đặng Thùy L sinh ngày 16/07/2008. Sau khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung là Đặng Thùy L sinh ngày 16/07/2008 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9/2020 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn anh Đặng Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình tìm hiểu và kết hôn như chị Nguyễn Thị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, một phần là do anh áp lực trong công việc, một phần do bản thân làm ăn để lo cho cuộc sống kinh tế của gia đình dẫn đến việc vợ chồng thỉnh thoảng có xảy ra cãi vã, thỉnh thoảng cũng có việc anh chửi bới, xúc phạm chị H. Hiện tại hai vợ chồng anh đã sống ly thân được khoảng 2 tháng, không còn chung sống cùng nhà. Nay chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh, quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn với chị H vì anh vẫn còn tình cảm với chị H và yêu thương vợ con nên anh mong muốn hai vợ chồng quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái trưởng thành. Chị H kiên quyết ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: Phần trình bày của chị Nguyễn Thị H về con chung là đúng. Nếu vợ chồng phải ly hôn anh đồng ý với quan điểm nuôi con chung của chị H.

Về tài sản chung: Anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh - Ông Phạm Văn H là trưởng khu B, phường Y, thành phố U cung cấp sự việc: Chị H và anh D là công dân cư trú tại tổ 16, khu B, phường Y, TP U. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nhất nguyên nhân là do hai người tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh D chửi bới, xúc phạm vợ và có xảy ra việc đánh đập dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã,

to tiếng với nhau. Cuộc sống không tìm được tiếng nói chung luôn diễn ra căng thẳng, nặng nề. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân, con chung đang ở với mẹ, chị H bán hàng ở chợ còn anh D lái xe taxi, hai vợ chồng đều có thu nhập.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh D kết hôn đúng quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không khắc phục được. Tại phiên tòa anh D đồng ý ly hôn chị H. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H với anh Đặng Văn D; Giao con chung Đặng Thùy L sinh ngày 16/07/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung hai bên không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa các đương sự có nơi cư trú tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn D kết hôn vào năm 1997 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy để cuộc sống hôn nhân tồn tại, mục đích hôn nhân đạt được thì phải xuất phát từ ý chí, nguyện vọng của hai vợ chồng, vợ chồng phải tH yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên quá trình chung sống với nhau một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai người tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh D đánh đập, chửi bới, xúc phạm vợ, nhiều lần hai vợ chồng xảy ra cãi vã, to tiếng, hai vợ chồng đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các đương sự để tiến hành hòa giải tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng nhau gỡ bỏ mâu thuẫn trong cuộc sống mặc dù anh D muốn hai vợ chồng đoàn tụ vì anh vẫn còn yêu thương vợ con nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn với anh D vì chị thấy cuộc sống luôn căng thẳng và áp lực, mâu thuẫn đã quá trầm trọng không thể khắc phục được.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh D đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa anh D đồng ý ly hôn với chị H. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh D là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: chị H và anh D có 02 con chung tên là: Đặng Ngọc D sinh ngày 19/12/1998 (đã thành niên) và Đặng Thùy L sinh ngày 16/07/2008. Trong quá trình giải quyết, chị H có quan điểm về việc nuôi con chung là chị muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Thùy L, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D cũng đồng ý với quan điểm nuôi con chung của chị H. Tại biên bản lấy lời khai ngày 7/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố U, cháu Đặng Thùy L thể hiện quan điểm nếu bố mẹ ly hôn, cháu muốn được ở với mẹ vì mẹ cháu có đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục cháu tốt hơn bố cháu và cháu là con gái ở với mẹ sẽ phù hợp hơn. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con, cần giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại các Điều 81,82,83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H và anh D không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề tài sản.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 55; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H về việc xin ly hôn với anh Đặng Văn D.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H với anh Đặng Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung Đặng Thùy L sinh ngày 16/07/2008. cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9/2020 cho đến khi con chung

thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đặng Văn D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh D không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng cũng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở. Đồng thời anh D còn có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung nếu chị H không nuôi dưỡng được con chung.

3.Về tài sản chung: Chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003456 ngày 24/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Gia Ninh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND TP Uông Bí.
- Chi cục THADS TP U.
- UBND phường Q (Nơi ĐKKH)
- Các đương sự.
- Lưu án văn + Lưu hồ sơ.